

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Trúc N, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Đường K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ 1, Khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Cao Thị Trúc N và ông Đinh Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Đ, thành phố Tp, tỉnh Ninh Bình, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 06/5/2014.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, người nào biết bổn phận của người đó, không quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con, một mình bà N phải lo làm ăn để lo cho gia đình, con cái. Trước đây ông T cũng đã gây nhiều lỗi lầm, bà N cũng đã tha thứ cho ông T có cơ hội sửa chữa nhưng ông T vẫn không có sự thay đổi. Hai vợ chồng chung sống nhưng không có tiếng nói chung, không có tương lai. Bà N và ông T đã không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đinh Văn T.

Về con chung: Bà Cao Thị Trúc N và ông Đinh Văn T có 02 con chung là Đinh Thị Thiên N, sinh ngày 09/6/2015 và Đinh Đức T, sinh ngày 09/02/2020. Bà Cao Thị Trúc N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Đinh Văn T cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung hiện nay đang sống cùng ông T tại tổ 1, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, bà N có công việc ổn định, đang làm việc tại Công ty TNHH R với mức lương hàng tháng từ 10 – 14 triệu đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông T thì làm lái xe thường không có mặt ở nhà nên khó đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, nơi kết hôn. Giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã như bà N trình bày. Nguyên nhân do ông T đi làm lái xe và có thường uống rượu bia nên không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ông T xác định vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà N. Ông T mong bà N cho thêm cơ hội để ông T sửa đổi, vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy vợ con.

Về con chung: Bà Cao Thị Trúc N và ông Đinh Văn T có 02 con chung là Đinh Thị Thiên N, sinh ngày 09/6/2015 và Đinh Đức T, sinh ngày 09/02/2020. Hiện nay, ông T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, bà N đã bỏ nhà đi thuê nơi ở khác từ tháng 6/2021 đến nay.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông T đang làm lái xe tải, mức lương hàng tháng khoảng 12 – 14 triệu đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông T đi làm lái xe với thời gian linh hoạt nên có thể sắp xếp thời gian để chăm sóc con tốt hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Trúc N giữ nguyên yêu cầu về việc ly hôn với ông Đinh Văn T. Bà N tự nguyện để ông T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung. Bị đơn ông Đinh Văn T giữ nguyên quan điểm, không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị Trúc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Đinh Văn T đang cư trú tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/5/2014, bà Cao Thị Trúc N và ông Đinh Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, bà N xác định giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, người nào biết bổn phận của người đó, tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con, một mình bà N phải lo làm ăn để lo cho gia đình, con cái. Hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như bà N trình bày, tuy nhiên, ông T xác định vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, giữa bà N và ông T cũng không đưa ra được hành động hay cách thức nào để hàn gắn tình cảm, để gia đình đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Cao Thị Trúc N và ông Đinh Văn T có 02 con chung là Đinh Thị Thiên N, sinh ngày 09/6/2015 và Đinh Đức T, sinh ngày 09/02/2020. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà N cũng thống nhất để ông T được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét việc thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự

nguyên, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Cao Thị Trúc N phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Trúc N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Đinh Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Trúc N được ly hôn với ông Đinh Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Đức T, sinh ngày 09/02/2020 và Đinh Thị Thiên N, sinh ngày 09/6/2015 cho ông Đinh Văn T được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị Trúc N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA /2021/0005655 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung